

I ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀO CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN VÀ SỰ CHUYỂN DỊCH CỦA NÓ

1. Ngày này hầu hết các quốc gia có mối quan hệ hợp tác kinh tế g phương, đa phương với nhau, đặc là giữa các nước phát triển và kém t triển, mối quan hệ này thể hiện hông qua chính sách đầu tư và thu vốn đầu tư.

Hiện nay các nước phát triển có 000 công ty đa quốc gia với 170.000 nhánh ở các nước ngoài để đầu tư các nước kém phát triển với mô lớn. Chẳng hạn, trong năm 0 các công ty đa quốc đã đầu tư vào nước kém phát triển 234 tỉ, năm 01: 183 tỉ và năm 1992: 150 tỉ USD.

Trong thập niên 90, đầu tư quốc chày mạnh vào châu Á vì các nước tự do hóa thị trường, tạo thêm ứng điều kiện có lợi hơn cho nước tư. Năm 1992, hơn phân nửa vốn tư của các nước phát triển đã đổ châu Á, và Trung Quốc là nước ận được nhiều nhất. Theo dự báo, năm 2020 đầu tư của các công ty quốc gia vào các nước thế giới thứ sẽ lên đến 400 tỉ USD, chiếm gần t nửa khối lượng đầu tư thế giới, ng đó châu Á là địa bàn được ưa ch nhất và sẽ chiếm 1 tỷ lệ lớn số n đầu tư này.

2. Ở VN, tính đến cuối tháng 6.93, ính phủ đã cấp giấy phép cho 671 dự đầu tư với số vốn là 6,322 tỉ USD, ng đó khoảng 25% (1,5 tỷ) đã thực n. Nhiều dự án đầu tư này bước đầu có kết quả, như trong lĩnh vực thăm , khai thác dầu khí, kinh doanh ách sạn, lắp ráp xe ô tô, gắn máy... c tính đến hết thập niên này, VN n số vốn đầu tư từ nước ngoài oảng 30-40 tỉ USD.

II NHỮNG CUỘC TRIỆT THOẢI ĐẦU TƯ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những cuộc đầu tư không phải c nào cũng diễn ra thuận lợi, mà có iều trường hợp công cuộc đầu tư gặp ã ngại, không thể tiến hành được ra, làm cho nước đầu tư buộc phải iệt thoái đầu tư, rút vốn và chuyển a về nước. Ví dụ trong năm 90-1991, các công ty Nhật đầu tư vào 2 công ty nước ngoài ở châu Á, ừng cũng trong thời gian này các ng ty Nhật buộc phải triệt thoái đầu ra khỏi các công ty của một số nước ầu Á như sau:

- Đài Loan: 13 công ty

- Hồng Kông: 7
- Cộng hòa Triều Tiên: 6
- Singapore: 5
- Indonesia: 4
- Thái Lan: 3
- Malaysia: 2
- Philippines: 2
- Trung Quốc: 1

Tổng cộng Nhật buộc phải triệt thoái 43 công ty, trong đó 2/3 là những công ty sản xuất.

2. Sự triệt thoái của các công ty đầu tư thường có 2 nhóm nguyên nhân chính:

- a. Nhóm nguyên nhân nội bộ của các công ty đầu tư, gồm:
 - + Nguyên nhân từ công ty mẹ:
 - Không điều tra thị trường chu đáo
 - Khó khăn trong việc huy động vốn
 - Tình hình kinh doanh của công ty mẹ xấu đi
 - Không thay đổi chính sách hải ngoại của công ty mẹ
 - Thiếu nhân sự biệt phái
 - + Nguyên nhân về phía pháp nhân tại chỗ:

và vật liệu

- Sự tăng cường chính sách xuất nhập khẩu
- Sự tăng sản xuất tại bản xứ
- Yêu cầu bản xứ hóa trong việc kinh doanh
- Hạn chế trong việc huy động vốn địa phương
- Sự tăng cường kiểm soát giá cả của chính phủ địa phương
- Chính phủ địa phương tăng thuế
- Các biện pháp ưu đãi vốn ngoại quốc không được thực hiện hay bãi bỏ
- Các hạn chế khác của nước sở tại, như sự yếu kém về cơ sở hạ tầng...
- + Nguyên nhân chính trị xã hội:
- Tư tưởng bài tư bản ngoại quốc và tư tưởng quốc gia cực đoan
- Bất ổn về chính trị xã hội
- Sự thay đổi chính phủ, thay đổi người lãnh đạo
- Sự va chạm về văn hóa tăng cao
- Sự ô nhiễm môi sinh
- Sự tăng cường đấu tranh của người lao động và của sinh viên
- Sự gia tăng tranh chấp quốc tế
- + Các nguyên nhân khác:
- Tai nạn, hỏa hoạn

ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG CUỘC TRIỆT THOẢI

NGUYỄN THƯỢNG MINH

- Bất hòa với người đối tác địa phương
- Thiếu sót, không hoạt động tiếp thị
- Thiết bị và kỹ thuật sản xuất không thích hợp
- Khó khăn trong quản lý chất lượng và quản lý lao động.
- Khó khăn trong cung cấp nguyên liệu, phụ tùng
- + Nguyên nhân về mặt kinh tế:
- Nhu cầu sản phẩm xấu đi
- Sự sụt giá của sản phẩm
- Điều kiện cạnh tranh xấu đi
- Chi phí xây dựng và lắp đặt tăng cao
- Giá nguyên vật liệu tăng cao
- Lương bổng tăng cao
- Khó khăn về vốn, lãi suất cao
- Sự tăng, giảm giá tiền địa phương
- Sự va chạm kinh tế, sự phản ứng của các bạn đồng nghiệp.
- b. Nhóm nguyên nhân bên ngoài (ở nước sở tại), gồm:
- + Nguyên nhân về mặt chính sách
- Các hạn chế nhập khẩu thiết bị

- Phạm pháp bị kiện cáo

Thông thường một công ty đầu tư nước ngoài khi gặp cùng lúc nhiều khó khăn trong số những khó khăn kể trên nhưng không vượt qua được, họ buộc phải triệt thoái đầu tư.

Khi cuộc triệt thoái đầu tư xảy ra, tất nhiên nước đầu tư và nước nhận đầu tư cùng bị thiệt hại, nhưng có lẽ nước sở tại bị thiệt hại nhiều hơn, mà thiệt hại lớn nhất là làm cho các nước, các công ty khác không dám đầu tư vào nước mình. Chính vì vậy mà trong năm 92, có 43 nước kém phát triển điều chỉnh luật đầu tư và các chính sách kinh tế, theo hướng nới lỏng sự kiểm soát kinh tế, ra sức giữ giá đồng tiền, chống lạm phát, hạ mức thuế đánh vào hàng nhập khẩu, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng... để khuyến khích, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào nước mình ♣

Tài liệu tham khảo chính:

- Kinh nghiệm của Nhật Bản về quản lý các doanh nghiệp, do Trung tâm kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương và Trường ĐHKT TP.HCM xuất bản, 1993.
- Tuổi Trẻ số 92 và 104/93